



TẠP CHÍ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC

SCIENTIFIC JOURNAL OF
HUMAN RESOURCE
DEVELOPMENT

HOCHIMINH CITY CADRE ACADEMY

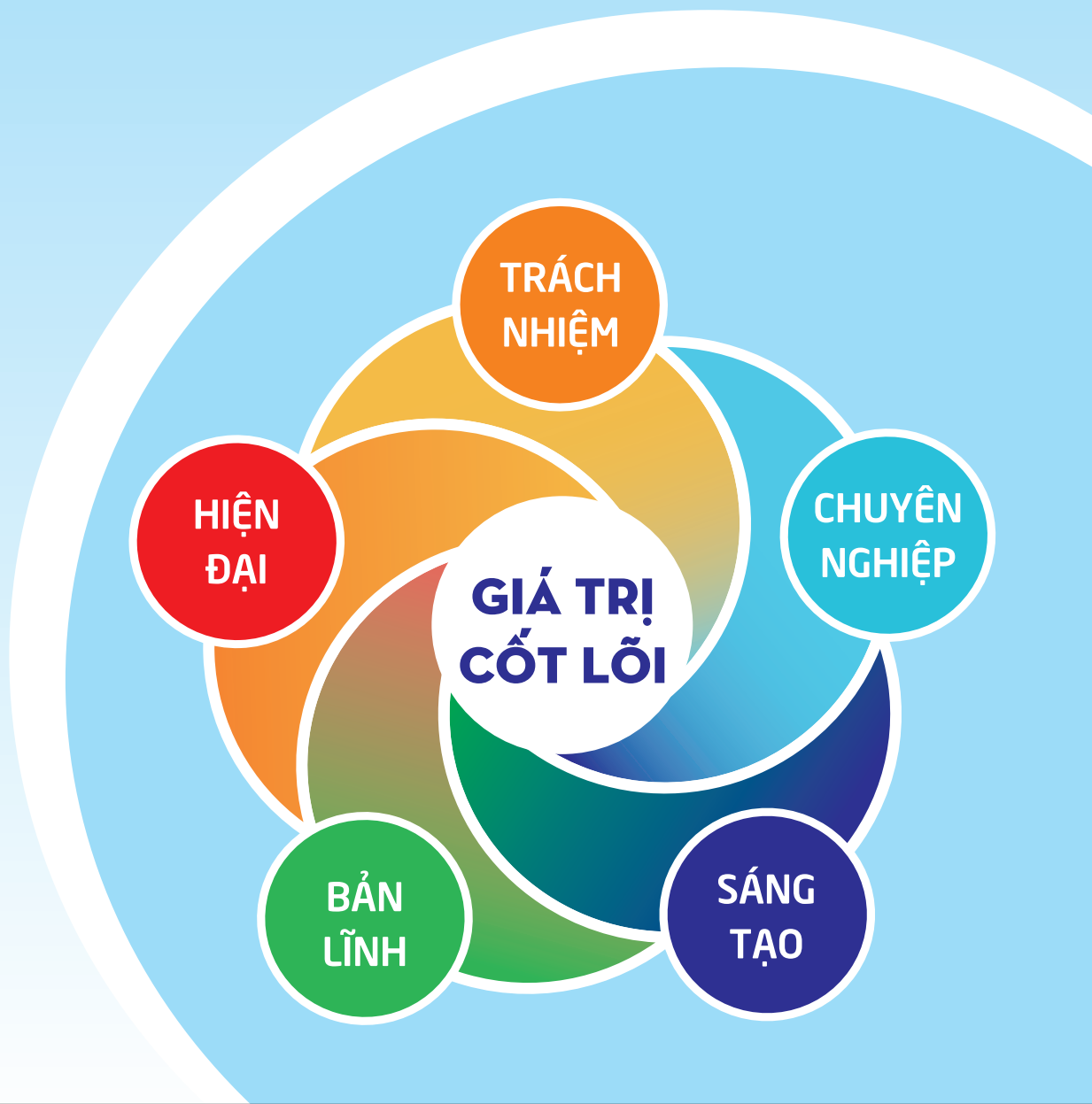
03₍₁₇₎
2024

TÂM NHÌN

Học viện là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh góp phần kiến tạo phát triển đất nước và là trường chính trị đạt chuẩn quốc gia.

SỨ MẠNG

Học viện là đơn vị nòng cốt tham gia Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ lực tham gia nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất về định hướng, chiến lược, chính sách phát triển và là nơi cung cấp những nhà lãnh đạo quản lý ưu tú cho Thành phố Hồ Chí Minh.



TẠP CHÍ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tòa soạn: 324 Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0907 232 931
Email: tapchi@hcmca.edu.vn

p-ISSN 3030-4288

SỐ 03 (17) 2024

THÁNG 8+10/2024

Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát

(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Y

(Phó Chủ tịch)

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

PGS.TS. Vũ Tinh

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Văn

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

TS. Lê Thị Trúc Anh

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm
In tại Công ty TNHH Thiết Kế Ấn
Phạm Hiến (57 Đường 35,
P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

Giá: 150.000đ

MỤC LỤC

TS. Nguyễn Thành Nam, TS. Lê Thị Hồng Hà

Quan điểm của Đảng bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh về vai trò của hệ thống chính trị, cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện Nghị quyết 98/2023/QH155

ThS. Huỳnh Thị Thu Hạnh, TS. Lê Thu Huyền

Thực hiện chính sách bồi dưỡng công chức ở tỉnh Quảng Ngãi hiện nay16

PGS.TS. Nguyễn Minh Trí, TS. Hồ Thị Ngọc Sao

Nhận diện các động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh27

PGS.TS. Phạm Quang Huy, ThS. Nguyễn Thu Hà

Giáo dục và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ theo mô hình Giáo dục công dân toàn cầu của UNESCO38

TS. Nguyễn Quang Anh, ThS. Lê Vũ Lâm, ThS. Mai Trường Giang,

ThS. Huỳnh Trọng Hiến

Mối quan hệ giữa lãnh đạo thích ứng và sự gắn kết của nhân viên trong các doanh nghiệp xây dựng tại Việt Nam51

TS. Nguyễn Thị Vân

Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ven biển Bình Định59

ThS. NCS. Nguyễn Thị Thanh Tùng

Vai trò của gia đình trong hỗ trợ chăm sóc giảm nhẹ cho người cao tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay70

ThS. NCS. Bùi Lam Giang, ThS. Nguyễn Trọng Bình

Giải pháp tạo động lực cho công chức cơ quan hành chính nhà nước84

ThS. Nguyễn Tấn Dân, ThS. Nguyễn Thị Mộng Lan

Bất bình đẳng giới trong các quyết định gia đình của người Chăm Hồi giáo ở vùng Tây Nam Bộ91

ThS. Ngô Văn Huấn, Lê Thế Thuận, Nguyễn Minh Thư, Nguyễn Minh Tuyết,

Lê Kim Nguyên

Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh104

SCIENTIFIC JOURNAL OF HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT

p-ISSN 3030-4288

No.03 (17) 2024

AUGUST + OCTOBER/2024

Head office: 324 Chu Van An St., W.12,
Binh Thanh Dist, Ho Chi Minh City
Tel: 0907 232 931
Email: tapchi@hcmca.edu.vn

CONTENTS

Editor - In - Chief

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Editorial Council

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Tan Phat
(Chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Van Y
(Vice chairman)

PhD. Bui Thi Ngoc Trang
(Vice chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Duy Bac
Assoc.Prof.PhD. Nguyen Minh Tuan

Assoc.Prof.PhD. Vu Tinh

Assoc.Prof. PhD. Vu Thanh Son

Assoc.Prof.PhD. Tran Hoang Ngan

PhD. Bui Ngoc Hien

PhD. Phan Hai Ho

PhD. Tran Thi Ha Van

PhD. Le Thi Hong Ha

PhD. Pham Ngoc Loi

PhD. Tran Tuan Duy

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

PhD. Le Thi Truc Anh

Issue license

No 551/GP - BT/TTT, issued
on 26 November 2020

by Ministry of Information and Media

Printed at:

Pham Hien Printing Design Co., Ltd
(57 street 35, ward Binh Trung Tay,
Thu Duc city)

Price: 150.000 VND

PhD. Nguyen Thanh Nam, PhD. Le Thi Hong Ha

Viewpoints of Ho Chi Minh City Party Committee and
Government on the role of the political system, cadres, civil
servants and public employees in implementing Resolution
98/2023/QH155

MA. Huynh Thi Thu Hanh, PhD. Le Thu Huyen

Implementing civil service training policy in Quang Ngai
province at present16

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Minh Tri, PhD. Ho Thi Ngoc Sao

Identifying the key drivers of socio-economic development in
Ho Chi Minh City27

Assoc.Prof.PhD. Pham Quang Huy, MA. Nguyen Thu Ha

Education and cultivation of revolutionary ideals for young
generations under UNESCO's Global Citizenship Education
model38

PhD. Nguyen Quang Anh, MA. Le Vu Lam, MA. Mai Truong Giang, MA. Huynh Trong Hien

The relationship between adaptive leadership and employee
engagement in construction enterprises in Vietnam51

PhD. Nguyen Thi Van

Cultural responses to the natural environment of the coastal
residents in Binh Dinh59

MA. Nguyen Thi Thanh Tung

Family roles in supporting palliative care for elderly people in
Ho Chi Minh City at present70

MA. Bui Lam Giang, MA. Nguyen Trong Binh

Solutions to creating work motivation for civil servants at state
administrative agencies84

MA. Nguyen Tan Dan, MA. Nguyen Thi Mong Lan

Gender inequality in the Cham Muslims' family decisions in
Southwestern region of Vietnam91

MA. Ngo Van Huan, Le The Thuan, Nguyen Minh Thu, Nguyen Minh Tuyet, Le Kim Nguyen

Research capacity of students at Ho Chi Minh City Cadre
Academy104

NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngày nhận bài: 01/8/2024; ngày nhận lại bài: 06/9/2024; ngày duyệt đăng: 16/9/2024

NGÔ VĂN HUẤN^(*),
LÊ THẾ THUẬN, NGUYỄN MINH THƯ, NGUYỄN MINH TUYẾT, LÊ KIM NGUYỄN^(**)

TÓM TẮT

Trên cơ sở phân tích dữ liệu khảo sát định lượng 340 sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, bài viết này sẽ tiến hành mô tả thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên và các yếu tố tác động đến năng lực nghiên cứu khoa học. Kết quả cho thấy, sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh có điểm nhận thức về thái độ và kiến thức cao hơn điểm số mức độ thuần thục các kỹ năng nghiên cứu khoa học. Những yếu tố bên trong nhà trường như: giảng viên, chính sách của Học viện và động cơ, nhận thức cá nhân của sinh viên có vai trò lớn ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Từ khóa: năng lực nghiên cứu khoa học; năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên; Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

Based on an analysis of quantitative survey data from 340 students at Ho Chi Minh City Cadre Academy, this article discusses the current status of scientific research competency among students and the factors influencing it. The findings reveal that students at Ho Chi Minh City Cadre Academy have higher scores in their attitudes and knowledge perception than in their proficiency in scientific research skills. Various factors within the academy including the faculty, the academy's policies, and students' motivations and individual perceptions significantly impact students' scientific research competence.

Keywords: scientific research competence; student scientific research competence; Ho Chi Minh City Cadre Academy.

1. Đặt vấn đề

Luật Giáo dục Đại học năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018 quy định một trong các nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học là “triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục đại học” và mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ là “hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa

^(*) Thạc sĩ, giảng viên khoa Lý luận cơ sở, Học viện Cán bộ TP.HCM, n.vhuan@hcmca.edu.vn

^(**) Sinh viên ngành Chính trị học, Học viện Cán bộ TP.HCM

học cho người học; phát triển và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo năng lực trình độ cao”. Có thể khẳng định, nghiên cứu khoa học (NCKH) có vai trò quan trọng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng, tư duy theo khoa học phục vụ cho hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên. Tham gia NCKH sẽ giúp cho sinh viên hiểu được cách phát hiện chủ đề nghiên cứu; xây dựng cách thức thực hiện và giải quyết vấn đề nghiên cứu; xác định nhiệm vụ, mục tiêu nghiên cứu và cách tìm kiếm, thu thập, xử lý nguồn tài liệu tham khảo nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH sẽ giúp rèn luyện những kỹ năng để tiến hành khảo sát xã hội, thăm dò dư luận, điều tra xã hội học...qua đó cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các lĩnh vực đời sống xã hội và hành vi con người.

Tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Học viện), hoạt động NCKH của sinh viên luôn được quan tâm và không ngừng được cải tiến, nâng cao. Từ năm 2018, Học viện đã ban hành Quy chế NCKH sinh viên, theo đó quy định cụ thể nội dung, hình thức, hướng dẫn, kinh phí, khen thưởng, qua đó giúp cho hoạt động NCKH của sinh viên Học viện không ngừng phát triển, không ngừng nâng cao về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, đến nay chưa có khảo sát đầy đủ và hệ thống về năng lực NCKH của sinh viên Học viện. Chính vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng và những yếu tố tác động đến năng lực NCKH của sinh viên Học viện là cần thiết; trên cơ sở đó xác định những giải pháp nhằm nâng cao năng lực NCKH của sinh viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, uy tín và vị thế nhà trường.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp luận

2.1. Tổng quan

Chủ đề về năng lực NCKH nói chung và năng lực NCKH trong sinh viên nói riêng đã được quan tâm nghiên cứu trên nhiều phương diện.

Đánh giá về hiện trạng, chỉ số năng lực NCKH có một số nghiên cứu như Wen-zao, Z. (2003), Zenglian, ZhangMin Cao (2011) khẳng định năng lực NCKH là một trong những yếu tố quan trọng phản ánh sức mạnh của trường đại học. Trên cơ sở đó các tác giả tiến hành đề xuất xây dựng chỉ số năng lực NCKH. Alba, Patricia và cộng sự (2017) cho rằng năng lực NCKH bao gồm: tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ và kỹ năng tìm kiếm thông tin. Đây là những mục tiêu quan trọng được các cơ sở đào tạo đại học hướng đến nhằm trang bị và phát triển những năng lực cho sinh viên thích ứng với thị trường việc làm tương lai.

Tại Việt Nam, chủ đề về năng lực NCKH và năng lực NCKH của sinh viên đã có sự đa dạng về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Các tác giả Nguyễn Xuân Qui (2015), Trần Trung Tính và cộng sự (2020), Lê Thị Tuyết Hạnh, Hoàng Thị Hải Yến (2021), Phan Thị Phương Nhi (2021), Bùi Ngọc Hà Duy (2023) tập trung phân tích vai trò của hoạt động NCKH và thực trạng năng lực NCKH của giảng viên, sinh viên trong một số

cơ sở giáo dục đại học.

Các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến năng lực NCKH: nghiên cứu của Azad, A. N., & Seyyed, F. J. (2007), DeBo, Fu., Yinqiong và cộng sự (2023) cho rằng các yếu tố như bằng cấp, sở thích nghiên cứu, đầu tư thời gian, kỹ năng thống kê, viết giấy và khả năng vẽ biểu đồ ảnh hưởng đến năng lực NCKH của sinh viên. Nghiên cứu của các tác giả Kim Ngọc và Hoàng Nguyên (2015), Hà Đức Sơn và Nông Thị Như Mai (2021), đã chỉ ra có bốn yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên là: *Môi trường nghiên cứu, Động cơ, Năng lực của sinh viên và Sự quan tâm khuyến khích của nhà trường*. Nghiên cứu của Vũ Thị Minh Nho (2023) khám phá yếu tố ảnh hưởng lên động lực bên trong và bên ngoài thúc đẩy sinh viên theo đuổi NCKH. Trong khi đó, tác giả Phạm Thị Thúy Vũ, Võ Thành Tôn (2022) phân tích yếu tố cơ sở vật chất nhà trường; cơ sở thực tập có tác động đến năng lực NCKH của sinh viên ngành điều dưỡng. Bên cạnh đó, có một số nghiên cứu về giải pháp nâng cao năng lực NCKH của sinh viên như: Ngô Thị Thùy Vân (2019); Nguyễn Văn Kiệt và Lê Sĩ Thiện (2023).

2.2. Các khái niệm

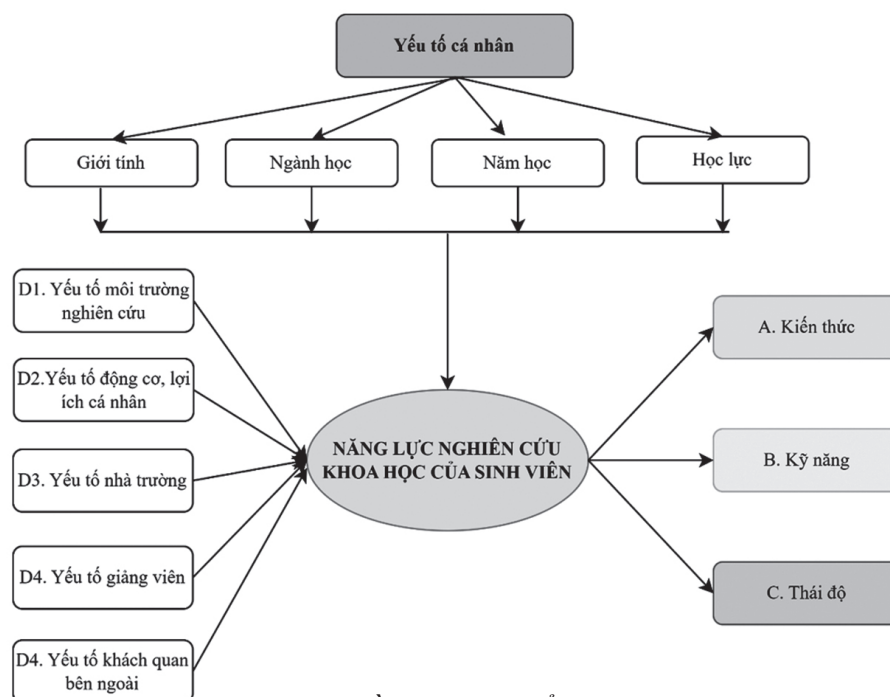
Năng lực nghiên cứu khoa học

Theo Alexander Yu Prosekov và cộng sự (2020), năng lực NCKH đó là khả năng của một người áp dụng kiến thức và kỹ năng trong các vấn đề khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực khoa học. Cụ thể hơn, Ngô Thị Trang định nghĩa năng lực NCKH, là “tổ hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ được hình thành, rèn luyện, cho phép cá nhân thực hiện thành công quá trình tổ chức, triển khai nghiên cứu thực tiễn giáo dục, trong những điều kiện cụ thể” (2009, tr.27). Xét ở góc độ theo chiều dọc thì năng lực NCKH là khả năng của một cá nhân, nhóm có thể nhận thức và tự chủ động thực hiện các hoạt động trong nghiên cứu khoa học như: hình thành ý tưởng, tìm kiếm phân tích tổng hợp dữ liệu, xây dựng kế hoạch, thiết kế nghiên cứu, thu thập, xử lý dữ liệu, phân tích và trình bày kết quả và công bố xuất bản.

Các yếu tố tác động đến năng lực nghiên cứu khoa học

Dựa trên các nghiên cứu của Azad, A. N., & Seyyed, F. J. (2007), DeBo, Fu., Yinqiong và cộng sự (2023), Hà Đức Sơn và Nông Thị Như Mai (2021), Vũ Thị Minh Nho (2023), Phạm Thị Thúy Vũ, Võ Thành Tôn (2022) có thể xác định các yếu tố tác động đến năng lực NCKH bao gồm: 1) Nhóm các yếu tố cá nhân, nhân khẩu học đối tượng khảo sát; 2) Nhóm các yếu tố môi trường NCKH; 3) Nhóm yếu tố động cơ, lợi ích cá nhân; 4) Nhóm yếu tố nhà trường; 5) Nhóm yếu tố giảng viên; 6) Nhóm yếu tố khách quan bên ngoài.

Trên cơ sở đó tác giả xây dựng được mô hình nghiên cứu cụ thể sau:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu năng lực nghiên cứu khoa học sinh viên

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Trên cơ sở mô hình phân tích, bài viết này sẽ xác định mục tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, đánh giá thực trạng năng lực NCKH trên ba phương diện kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên Học viện hiện nay;

Thứ hai, phân tích các yếu tố ảnh hưởng bao gồm yếu tố cá nhân, các yếu tố môi trường, điều kiện, động cơ cá nhân, chính sách quy định của nhà trường, giảng viên và các yếu tố khách quan bên ngoài đến năng lực NCKH của sinh viên.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi với công cụ là bảng khảo sát tự điền đối với sinh viên chính quy đang học tập tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh gồm các khóa 2020, 2021, 2022, và 2023. Nội dung khảo sát bao gồm: thông tin chung nhân khẩu học, thông tin về kiến thức NCKH, kỹ năng NCKH, thái độ trong NCKH, các yếu tố ảnh hưởng NCKH, giải pháp trong NCKH. Các biến quan sát được đo bằng thang đo Likert 5 điểm với 1 là *Hoàn toàn không đồng ý* và 5 là *Hoàn toàn đồng ý*. Về chọn mẫu khảo sát, trong nghiên cứu này áp dụng chiến lược chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo năm học, ngành học. Cụ thể, tổng số sinh viên đang theo học là 2300, áp dụng công thức tính cỡ mẫu số mẫu tối thiểu khảo sát 340 được phân theo nhóm ngành và năm học. Phân theo ngành học: tổng cộng có 5 ngành, 68 mẫu/ngành; theo năm học: có 4 năm, 85 mẫu/năm học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Cán bộ

Thành phố Hồ Chí Minh

Để xác lập các cơ sở phân tích các thống kê, bài viết tiến hành phân tích độ hiệu lực thang đo Cronbach's Alpha đối với các biến phụ thuộc. Cụ thể năng lực NCKH của sinh viên được đo bởi 3 biến lớn: A. Kiến thức 8 biến gồm A1 (4 biến) + A2 (4 biến); B. Kỹ năng 23 biến gồm B1 (5 biến) + B2 (6 biến) + B3 (5 biến) + B4 (4 biến) + B5 (4 biến); C. Thái độ (5 biến).

Theo Nunnally (1978), Hair và cộng sự (2009) đề thang đo đảm bảo độ tin cậy hệ Cronbach's Alpha từ 0.7 trở lên. Bên cạnh đó, giá trị Corrected Item - Total Correlation, tương quan với các biến quan sát phải cao hơn 0,3. Nếu thỏa mãn hai điều kiện đó thì thang đo đảm bảo tin cậy và có thể tiến hành các phân tích thống kê.

Bảng 1. Thống kê mô tả thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Tên biến	Trung bình	Độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha	Tương quan tổng thể Corrected Item - Total Correlation
Kiến thức NCKH	3,62	0,89	
A1. Kiến thức chung trong NCKH	3,53	0,83	Các biến từ 0,57 trở đủ điều kiện
A2. Kiến thức về phương pháp trong NCKH	3,70	0,85	Các biến từ 0,62 trở lên, đủ điều kiện
Kỹ năng NCKH	3,60	0,94	
B1. Kỹ năng tra cứu và phân tích dữ liệu	3,53	0,85	Các biến từ 0,53 trở lên, đủ điều kiện
B2. Kỹ năng xây dựng và phát triển kế hoạch nghiên cứu	3,50	0,77	Các biến từ 0,32 trở lên, đủ điều kiện
B3. Kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu	3,33	0,89	Các biến từ 0,6 trở lên, đủ điều kiện
B4. Kỹ năng trình bày sản phẩm	3,50	0,82	Các biến từ 0,67 trở lên, đủ điều kiện
B5. Kỹ năng rèn luyện tư duy trong NCKH	3,70	0,83	Các biến lớn hơn 0,6 đủ điều kiện
C. Thái độ trong NCKH	4,15	0,90	Các biến lớn hơn 0,7 đủ điều kiện
D1. Yếu tố môi trường NCKH	3,89	0,83	Các biến lớn hơn 0,61 đủ điều kiện
D2. Yếu tố động cơ, lợi ích cá nhân	4,02	0,71	Các biến lớn hơn 0,67 đủ điều kiện
D3. Yếu tố nhà trường	4,03	0,78	Các biến lớn hơn 0,64 đủ điều kiện

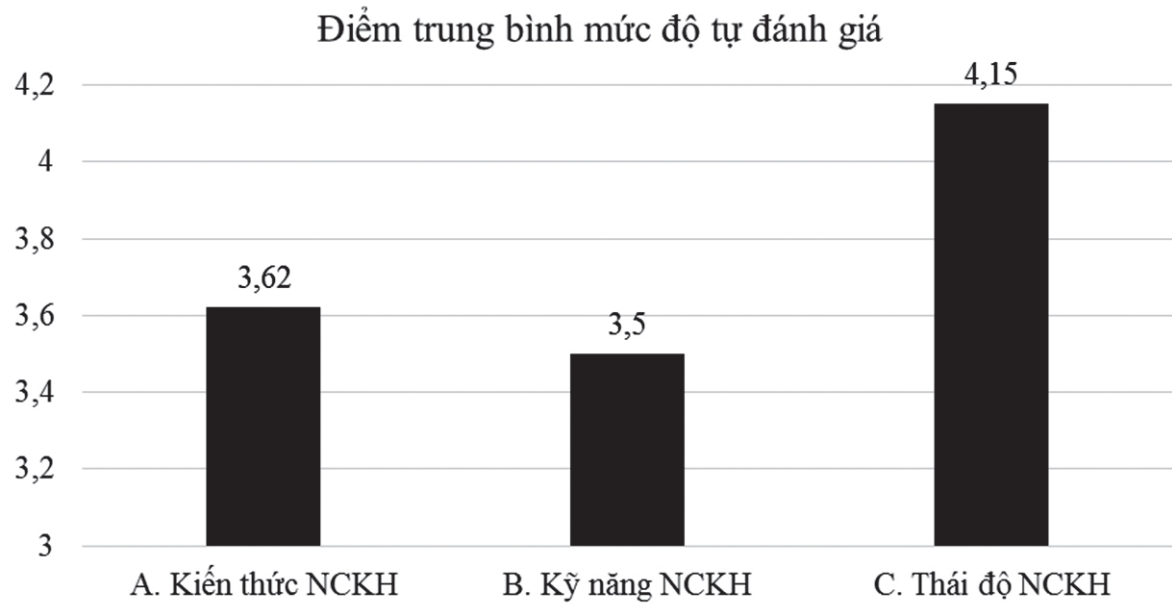
D4. Yếu tố giảng viên	4,05	0,87	Các biến lớn hơn 0,70 đủ điều kiện
D5. Yếu tố khách quan bên ngoài	3,91	0,80	Các biến lớn hơn 0,67 đủ điều kiện

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả (tháng 6 năm 2024)

Kết quả phân tích thang đo tất cả các biến số quan sát của mô hình nghiên cứu đều có độ hiệu thang đo cao hơn 0,7 cho thấy thang đo đảm bảo hiệu lực.

Biểu đồ 1 phản ánh điểm trung bình đánh giá mức độ nhận thức (kiến thức); mức độ thuần thục (kỹ năng) và mức độ tuân thủ (thái độ) giúp phản ánh sự tự đánh giá về năng lực NCKH của sinh viên. So sánh điểm trung bình các biến số trong năng lực NCKH; cho biết điểm số trung bình thái độ trong NCKH cao nhất 4,15, tiếp theo là kiến thức 3,62 và cuối cùng là kiến thức kỹ năng 3,62. Trong đó có những kỹ năng điểm số trung bình thấp như “B3. Kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu” điểm 3,33, “B2. Kỹ năng xây dựng và phát triển kế hoạch nghiên cứu” và “B4. Kỹ năng trình bày sản phẩm”.

Biểu đồ 1. Mức độ tự đánh giá năng lực trong NCKH



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả (tháng 6 năm 2024)

Điều này khẳng định, sinh viên Học viện thể hiện thái độ tích cực và tinh thần sẵn sàng tham gia và thực hiện NCKH, có chuẩn bị tốt về kiến thức thông qua những môn học đại cương và chuyên ngành. Tuy nhiên, những kỹ năng NCKH có điểm thấp cho thấy mức độ tham gia của sinh viên thực hành trong hoạt động NCKH còn hạn chế. Kết quả này phản ánh đúng thực tế hiện nay trong chương trình đào tạo 5 ngành tại Học viện. Việc thực hành NCKH phần lớn vẫn chỉ dừng lại ở học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học, chưa có các học phần Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành hoặc việc hoạt động

nghiên cứu được lồng ghép thường xuyên và nối tiếp trong quá trình đào tạo. Chính vì vậy, khả năng rèn luyện kỹ năng NCKH của sinh viên vẫn thiếu tính liên tục.

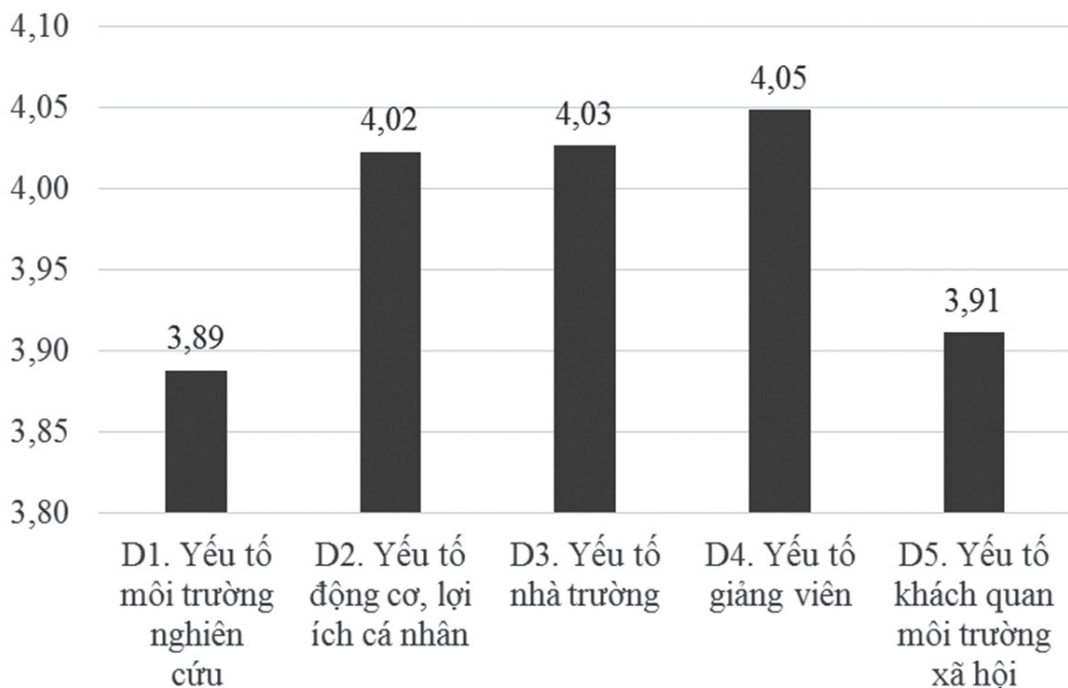
Dữ liệu đó cho thấy bức tranh chung về năng lực NCKH của sinh viên Học viện hiện nay, trong đó đặt ra yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao kỹ năng nghiên cứu nhất là các kỹ năng thiết yếu như: trình bày và phân tích dữ liệu thông qua các phần mềm xử lý số liệu định tính và định lượng. Tuy nhiên, kết quả dữ liệu cho thấy sinh viên đã thể hiện thái độ tích cực, mức độ tuân thủ cao các quy tắc chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động NCKH.

3.2. Các yếu tố tác động đến năng lực nghiên cứu khoa học sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Dựa trên mô hình nghiên cứu, có các nhóm biến số có ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu khoa học, bao gồm biến yếu tố cá nhân sinh viên: Giới tính (GT), Ngành học (NgH), Năm học (NH) và Tham gia các hoạt động NCKH (Thamgia) và 5 yếu tố: D1. Yếu tố môi trường nghiên cứu; D2. Yếu tố động cơ, lợi ích cá nhân; D3. Yếu tố nhà trường; D4. Yếu tố giảng viên và D5. Yếu tố khách quan môi trường xã hội. Trong nghiên cứu này có hai phương pháp để phân tích yếu tố tác đến năng lực NCKH.

Thứ nhất, dựa trên dữ liệu thống kê mô tả kết quả so sánh điểm số trung bình thang đo Likert tự đánh giá của người trả lời về các câu hỏi định sẵn.

Biểu đồ 2. Điểm trung bình đánh giá các yếu tố tác động đến năng lực NCKH của sinh viên



Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả (tháng 6 năm 2024)

Kết quả tại biểu đồ 2, *yếu tố giảng viên* (mức độ quan tâm và thúc đẩy đến hoạt động và năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên; năng lực và thái độ hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho sinh viên); *yếu tố nhà trường* (chính sách khuyến khích khen thưởng, kinh phí, định hướng NCKH của nhà trường) và *yếu tố động cơ, lợi ích cá nhân* có số điểm đánh giá cao nhất. Điều đó, cho thấy những yếu tố bên trong nhà trường như: giảng viên, chính sách của Học viện và động cơ, nhận thức cá nhân của sinh viên có vai trò lớn ảnh hưởng đến năng lực NCKH của sinh viên.

Thứ hai, để đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố đến năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên, tiến hành phân tích hồi quy đa biến giữa 5 biến độc lập: D1. Yếu tố môi trường nghiên cứu; D2. Yếu tố động cơ, lợi ích cá nhân; D3. Yếu tố nhà trường; D4. Yếu tố giảng viên và D5. Yếu tố khách quan, môi trường xã hội với biến phụ thuộc “Năng lực NCKH của sinh viên” được tổng hợp từ 3 biến thành phần A. Kiến thức, B. Kỹ năng, C. Thái độ.

Kết quả kiểm định Sig Anova bằng $0,000 < 0,05$ có thể khẳng định mô hình hồi quy giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc là phù hợp. Hệ số R^2 hiệu chỉnh bằng 0,142 có nghĩa là các biến độc lập tác động 14,2% đến sự thay đổi của biến phụ thuộc. Bên cạnh đó hệ số VIF giao động từ 1,66 đến $2,5 < 10$ nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 2. Kiểm định biến độc lập 5 với năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Biến độc lập	Biến phụ thuộc: Năng lực NCKH của sinh viên				
	B	Hệ số Beta (B) chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa (sig)	VIF
D1. Yếu tố môi trường nghiên cứu khoa học	0,126	0,177	2,641	0,009	1,776
D2. Yếu tố động cơ, lợi ích cá nhân	0,109	0,155	1,925	0,055	2,556
D3. Yếu tố nhà trường	0,012	0,024	0,376	0,707	1,669
D4. Yếu tố giảng viên	- 0,026	-0,041	-0,537	0,592	2,355
D5. Yếu tố khách quan bên ngoài	0,088	0,137	1,697	0,091	2,593

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả (tháng 6 năm 2024)

Bảng phân tích hồi quy đa biến giúp khẳng định biến “D1. Yếu tố môi trường nghiên cứu” hệ số p bằng $0,009 < 0,05$ có ý nghĩa thống kê, hệ số chuẩn hóa Beta (β) bằng 0,177 > 0 thể hiện tác động thuận chiều đến biến phụ thuộc “Năng lực nghiên cứu của sinh viên”. Hay nói cách khác khi “D1. Yếu tố môi trường nghiên cứu” tăng lên 1 đơn vị sẽ làm cho biến năng lực nghiên cứu khoa học sinh viên tăng lên 0,177 đơn vị. Điều đó cho thấy các yếu tố trong môi trường nghiên cứu như: hệ thống tài liệu, thư viện, chính sách và văn hóa khoa học trong Học viện có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực NCKH của sinh viên.

Ngoài ra các biến D2, D3, D4, D5 hệ số $p > 0,05$ nên không có ý nghĩa thống kê. Hay nói cách khác mô hình không có khả năng chứng minh sự tác động của các biến độc lập đối với biến phụ thuộc.

Để đánh giá nhóm biến số yếu tố cá nhân của sinh viên có tác động đến năng lực NCKH của sinh viên, sẽ tiến hành phân tích hồi quy đa biến các biến độc lập “đặc điểm nhân khẩu học” được thu thập với biến phụ thuộc “Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên”.

Kết quả phân tích hồi quy các biến độc lập: Giới tính sinh viên, năm học, ngành học và học lực có hệ số kiểm định Sig Anova bằng $0,002 < 0,05$ có thể khẳng định mô hình hồi quy giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc là phù hợp. Hệ số R^2 hiệu chỉnh bằng 0,039 có nghĩa là các biến độc lập tác động rất ít khoảng 4% đến sự thay đổi của biến phụ thuộc. Như vậy, có thể nhận thấy sự tác động của các yếu tố cá nhân rất yếu đối với biến phụ thuộc là năng lực NCKH của sinh viên.

Bảng 3. Hồi quy biến độc lập đặc điểm nhân khẩu học và biến phụ thuộc năng lực NCKH của sinh viên Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh

Biến độc lập	Biến phụ thuộc: Năng lực NCKH của sinh viên			
	B	Hệ số Beta (B) chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa (sig)
Giới tính	0,018	0,054	0,018	0,743
Ngành học	-0,003	0,019	-0,009	0,868
Năm học	0,043	0,024	0,095	0,078
Học lực	-0,166	0,046	-0,194	0,000

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả (tháng 6 năm 2024)

Trong bốn biến độc lập chỉ có biến học lực p bằng $0,00 < 0,05$ có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác có thể kết luận có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc. Hệ số Beta (β) bằng $-0,194 < 0,05$ chứng tỏ biến độc lập có tác động nghịch chiều lên biến phụ thuộc. Ở đây mã hóa biến học lực được chia thứ bậc 1. Xuất sắc, 2. Giỏi, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu/kém. Có nghĩa, khi biến học lực tăng lên 1 đơn vị (có nghĩa là học lực giảm) thì nó sẽ làm cho biến năng lực NCKH giảm 0,19 đơn vị. Như vậy, có thể kết luận học lực của sinh viên càng cao thì năng lực NCKH của sinh viên càng cao và ngược lại. Các biến còn lại: Giới tính hệ số β bằng 0,018, p bằng $0,74 > 0,05$; Ngành học β bằng -0,009, p bằng $0,86 > 0,05$; năm học β bằng 0,095, p bằng $0,78 > 0,05$ không có ý nghĩa về mặt thống kê. Hay nói cách khác dữ liệu phân tích không tìm thấy mối liên hệ giữa các biến số độc lập cá nhân như: giới tính, ngành học, năm học đối với năng lực NCKH của sinh viên.

4. Kết luận

Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát định lượng từ 340 mẫu sinh viên phân bố đồng đều theo cho 5 ngành học và 4 năm học tại Học viện Cán bộ đã đi đến một số kết luận như sau:

Thứ nhất, về thực trạng năng lực NCKH của Học viện Cán bộ. Khảo sát cho thấy sinh viên có mức độ nhận thức về kiến thức và thái độ đối với NCKH ở mức rất tốt, mức độ thuần thục các kỹ năng NCKH ở mức tốt. Trong đó, mức độ kiến thức đó điểm trung bình chung cao hơn mức độ thuần thục kỹ năng cho thấy, sinh viên vẫn chưa có nhiều cơ hội, điều kiện để tham gia thực hành các hoạt động NCKH trong quá trình học tập. Trong khi mức độ sẵn sàng và thái độ đối với NCKH của sinh viên là rất tích cực. Qua đó có thể nêu lên hàm ý đối với các Khoa cần chú trọng và đẩy mạnh việc thiết kế, lồng ghép các hoạt động NCKH cho sinh viên một cách liên tục, đa dạng và hệ thống trong toàn bộ quá trình đào tạo.

Thứ hai, về các yếu tố tác động đến năng lực NCKH. Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhóm các yếu tố nhân khẩu học sinh viên như: ngành học, năm học, giới tính không có sự ảnh hưởng đến năng lực NCKH. Điều này phù hợp với thực tế các ngành học tại Học viện chương trình đào tạo có nhiều điểm tương đồng cấu trúc; trong đó học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học” (3 tín chỉ) được dạy chung cho các ngành học, trong khi các ngành chưa có học phần phương pháp nghiên cứu chuyên ngành. Vì vậy, mức độ khác biệt về năng lực theo năm học và ngành học chưa thể hiện rõ. Tuy nhiên, nghiên cứu tìm thấy có sự tác động của biến học lực đến năng lực NCKH của sinh viên. Theo đó, sinh viên có học lực cao có năng lực nghiên cứu cao và ngược lại.

Như vậy, kết quả phân tích dữ liệu khảo sát có thể khẳng định rằng việc đẩy mạnh động lực bên trong như: đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất tài liệu, chính sách về tài chính khen thưởng của nhà trường; sự quan tâm hướng dẫn, tạo điều kiện từ phía giảng viên và khoa sẽ góp phần thúc đẩy động cơ, qua đó giúp nâng cao năng lực NCKH cho sinh viên Học viện.

Tài liệu tham khảo

- Alba, P. G. (2017). Scientific competencies: a mechanism to favour the inclusion of working market professionals. *Journal of Baltic Science Education*, doi: 10.33225/JBSE/17.16.175.
- Azad, A. N. (2007). Factors influencing faculty research productivity: Evidence from AACSB accredited schools in the GCC countries. *Journal of International Business Research*, 6(1), 91.
- DeBo, F. Y. (2023). Factors affecting the scientific research ability and the corresponding countermeasures in clinical postgraduates. *BMC Medical Education*, doi: 10.1186/s12909-023-04261-w.
- Đức Sơn, H. &. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên – Nghiên cứu trường hợp Đại học Tài chính-Marketing. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, (49), 13-24.

- Hair, J. F. (2009). *Multivariate Data Analysis*. New Jersey: Pearson.
- Hạnh, L. T., & Yến, H. T. (2021). Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*.
- Kiệt, N. V., & Thiện, L. S. (2023). Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên khoa công nghệ sinh hoá – thực phẩm, trường Đại học kỹ thuật – công nghệ Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, tập 12, số 4*, 61-69.
- Nunnally, J. C. (1978). An overview of psychological measurement. *Clinical diagnosis of mental disorders: A handbook*, 97-146.
- Nho, V. T. (2023). Nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng lên động cơ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 27-33.
- Prosekov, A. Y. (2020). A Case Study of Developing Research Competency in University Students. *European journal of contemporary education*, 9(3), 592-602.
- Qui, N. X. (2015). Một số biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học hóa học lớp 6. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM*, 6 (72), 156-152.
- Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học năm 2012 và sửa đổi bổ sung năm 2018*. Hà Nội: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Van-ban-hop-nhat-42-VBHN-VPQH-2018-Luat-Giao-duc-dai-hoc-407245.aspx>.
- Tính, T. T. (2020). Hiện trạng và giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 56(4), 61-171. doi:<https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2020.095>
- Thắng, N. C. (2016). Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên ngành sư phạm Toán học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 133, 23-17.
- Trang, N. T. (2019). *Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên Đại học Sư phạm*. Hà Nội: Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Vân, N. T. (2019). Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. *TNU Journal of Science and Technology*, 196(03), 103-107.
- Vũ, P. T., & Tôn, V. T. (2022). Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan đến việc tiếp cận năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng. *Tạp chí Y Dược học*, 90-98.
- Wen-zao, Z. (. (2023). The establishment of systematized evaluation indexes to university scientific research capacity. *Journal of Anhui University of Technology and Science*.